

CÔNG TY CỔ PHẦN NETSMART
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NETSMART

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NETSMART JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: NETSMART.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109357431

3. Ngày thành lập: 28/09/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 5, số 46A ngõ 120 đường Trường Chinh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email: info@netsmart.vn

Website: www.netsmart.vn

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4610
2.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
3.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652(Chính)
4.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
5.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt, may; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.	4659

6.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; - Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...; - Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.	4663
7.	Bán buôn tổng hợp (Loại Nhà nước cho phép)	4690
8.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
9.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
10.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
11.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
12.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
13.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
14.	Bốc xếp hàng hóa	5224
15.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
16.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển - Logistics - Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu	5229
17.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự	5510
18.	Cơ sở lưu trú khác	5590

19.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quầy bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
20.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
21.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
22.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quầy bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5630
23.	Xuất bản phần mềm (không bao gồm hoạt động xuất bản phẩm)	5820
24.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập internet Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng Kinh doanh dịch vụ viễn thông cơ bản Kinh doanh dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	6190
25.	Lập trình máy vi tính	6201
26.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
27.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
28.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (không bao gồm hoạt động báo chí)	6311
29.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản - Sàn giao dịch bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
30.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn luật, tài chính, kế toán)	7020
31.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ các loại thông tin Nhà Nước cấm và dịch vụ điều tra)	7320
32.	Cho thuê xe có động cơ	7710
33.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	8299
34.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512

35.	In ấn (Loại Nhà nước cho phép)	1811
36.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
37.	Sản xuất linh kiện điện tử Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp thiết bị phục vụ ngành công nghệ thông tin, điện tử phát thanh truyền hình, thiết bị bưu chính viễn thông.	2610
38.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
39.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
40.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
41.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
42.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
43.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
44.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
45.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
46.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
47.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
48.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
49.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt thiết bị tin học, mạng tin học Lắp ráp thiết bị ngành bưu chính viễn thông, mạng viễn thông.	3320
50.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
51.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
52.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
53.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
54.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
55.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
56.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.	4329
57.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
58.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
59.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đầu giá)	4511

60.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
61.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đầu giá)	4513
62.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
63.	Bán mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đầu giá)	4541
64.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
65.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4543

6. Vốn điều lệ: 8.130.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 813.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHẠM VĨNH QUANG	Số 12 ngách 43/1, Phố Kim Đồng, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	13.000	130.000.000	1,599	011938606	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	13.000	130.000.000	1,599		

2	NGẠC AN DƯƠNG	Tập thể trường trung học kinh tế Hà Nội, Phường Phúc Xá, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	250.000	2.500.000.000	30,750	0010760121 44
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	250.000	2.500.000.000	30,750	
3	TRỊNH LÊ NAM	Số 63, tổ 34, ngõ 148 đường Trần Duy Hưng, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	423.000	4.230.000.000	52,030	0010700127 39
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	423.000	4.230.000.000	52,030	
4	ĐỖ ANH MINH	Số 8, hẻm 6/31/7, phố Đặng Văn Ngữ, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	101.000	1.010.000.000	12,423	0010770026 99
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	101.000	1.010.000.000	12,423	

5	ĐÀO QUỐC THÀNH	3B Đặng Thái Thân, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	13.000	130.000.000	1,599	001070003670
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	13.000	130.000.000	1,599	
6	NGUYỄN THỊ BÍCH HẠNH	Phòng 404, nhà A, tổ 27, phố Ngọc Khánh, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	13.000	130.000.000	1,599	001179008917
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	13.000	130.000.000	1,599	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM VĨNH QUANG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 10/01/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 011938606

Ngày cấp: 28/12/2006

Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *12 ngách 43/1, Phố Kim Đồng, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *12 ngách 43/1, Phố Kim Đồng, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội